

DANH SÁCH SINH VIÊN K35**NHẬN HỌC BỔNG HK 2**

Khoa Ngữ văn (năm học 2011 - 2012)

Kèm theo Quyết định số 2097/QĐ-

ĐHSP ngày 19/10/2012

STT	Họ và tên	MS SV	ĐT BC	ĐR L	Mức học tiền	Số học bổng
1	Chu Anh Thị	K35	7.7498	240, 1,20	000	0,00
			.601			0
			.003			0
2	Nguyễn Bé yễn Thị	K35	7.6782	240, 1,20	000	0,00
			.601			0
			.005			0
3	Huỳnh Cẩm nh Thị	K35	7.6382	240, 1,20	000	0,00
			.601			0
			.009			0
	Ngọc c					
4	Lê Thị Kim g	Cư K35	7.7898	240, 1,20	000	0,00
		on	.601			0
			.012			0
5	Phạm Thị	Đà K35	7.5998	240, 1,20	000	0,00
		o	.601			0
			.017			0
6	Lê Thị Ngọc	Hà K35	7.6385	240, 1,20	000	0,00
		n	.601			0
			.019			0
7	Đoàn Thị Ánh	Hồ K35	7.7898	240, 1,20	000	0,00
		ng	.601			0
			.027			0
8	Hoàng Thị Khánh	Hu K35	7.5998	240, 1,20	000	0,00
		yền	.601			0
			.034			0
9	Nguyễn Thị	La K35	7.5688	240, 1,20	000	0,00
		n	.601			0
			.039			0
10	Huỳnh Vĩnh	Lộ K35	7.7898	240, 1,20	000	0,00
		c	.601			0
			.044			0
11	Đông Thị Hoàng	Ly K35	7.6388	240, 1,20	000	0,00
			.601			0
			.047			0
12	Nguyễn Thị	Lý K35	7.5982	240, 1,20	000	0,00
			.601			0
			.048			0
13	Nguyễn Thị Thua	Ng K35	8.41100	300, 1,50	000	0,00
			.601			0
			.059			0

14	Lê Thị Ng	K35	7.85100	240, 1,20
	ân .601		000	0,00
	.063		0	
15	NguyễnNg	K35	8.0494	300, 1,50
	Thị uyê.601		000	0,00
	Thái n .064		0	
16	Phạm Ph	K35	8.63100	300, 1,50
	Thị ươ .601		000	0,00
	Hồng ng .075		0	
17	Hoàng Th	K35	7.8590	240, 1,20
	Thị u .601		000	0,00
	Ngọc .083		0	
18	Nguyễn Th	K35	7.67100	240, 1,20
	Thị úy .601		000	0,00
	Thanh .085		0	
19	Nguyễn Th	K35	7.6384	240, 1,20
	Thị ư .601		000	0,00
	.086		0	
20	Trần Tr	K35	7.6395	240, 1,20
	Xuân ườ .601		000	0,00
	ng .099		0	
21	Lê Thị Tu	K35	7.7094	240, 1,20
	yết .601		000	0,00
	.103		0	
22	Nguyễn Tú	K35	8.1198	300, 1,50
	Thị .601		000	0,00
	Cầm .104		0	
23	Nguyễn Uy	K35	8.04100	300, 1,50
	Vũ ên .601		000	0,00
	Phương .105		0	
24	Tô Thị Ng	K35	7.5288	240, 1,20
	ọc .601		000	0,00
	.065		0	
25	Vũ Tú An	K35	7.2975	240, 1,20
	h .607		000	0,00
	.002		0	
26	Nguyễn Du	K35	7.4378	240, 1,20
	Anh y .607		000	0,00
	.006		0	
27	Hứa Hư	K35	7.4380	240, 1,20
	Thị Thuon .607		000	0,00
	g .015		0	
28	Phạm Kh	K35	7.7176	240, 1,20
	Huỳnh oa .607		000	0,00
	Đăng .017		0	
29	Nguyễn Sư	K35	7.2479	240, 1,20
	Thị ơn .607		000	0,00
	Tuyết g .029		0	
30	Đỗ Th	K35	7.2982	240, 1,20
	Thanh ảo .607		000	0,00

		.030	0	
31	Nguyễn Th	K35 7.3380	240, 1,20	
	Thị ươ	.607	000 0,00	
	ng	.034	0	
32	Lê Tra	K35 7.2975	240, 1,20	
	Huyền ng	.607	000 0,00	
		.036	0	
33	Tào Thị Tra	K35 7.2480	240, 1,20	
	ng	.607	000 0,00	
		.037	0	
34	Võ Thị Trọ	K35 7.3877	240, 1,20	
	Xuân n	.607	000 0,00	
		.042	0	
35	Trần Tru	K35 7.3380	240, 1,20	
	Quốc ng	.607	000 0,00	
		.043	0	
36	Vũ Thị Du	K35 8.0592	300, 1,50	
	Kim ng	.606	000 0,00	
		.005	0	
37	Từ Thị Hạ	K35 8.62100	300, 1,50	
	Mỹ nh	.606	000 0,00	
		.015	0	
38	Nguyễn Ho	K35 7.7682	240, 1,20	
	Thị a	.606	000 0,00	
		.021	0	
39	Lê Thị Hư	K35 7.6292	240, 1,20	
	Thu ờn	.606	000 0,00	
	g	.023	0	
40	Hà Thị Ng	K35 8.4391	300, 1,50	
	ân	.606	000 0,00	
		.032	0	
41	Huỳnh Ng	K35 7.7692	240, 1,20	
	Thị ân	.606	000 0,00	
	Kim	.033	0	
42	Đặng Ng	K35 8.48100	300, 1,50	
	Ngọc ận	.606	000 0,00	
		.035	0	
43	Nguyễn Nh	K35 8.4893	300, 1,50	
	Thị un	.606	000 0,00	
	Tuyết g	.038	0	
44	Bùi Thị Ph	K35 7.6794	240, 1,20	
	Trúc ươ	.606	000 0,00	
	ng	.044	0	
45	Trần Th	K35 8.0586	300, 1,50	
	Thị u	.606	000 0,00	
		.054	0	
46	Đoàn Tri	K35 7.62100	240, 1,20	
	Thị nh	.606	000 0,00	
	Tuyết	.058	0	
47	Bùi Tr	K35 7.6288	240, 1,20	

	Đình	ườ	.606	000	0,00
		ng	.059	0	
48	Hoàng	Và	K35 7.6782	240,	1,20
	Thị	n	.606	000	0,00
	Cầm		.061	0	